# MỘT SỐ QUAN NIỆM VỀ THI PHÁP

**LÊ NGỌC TÂN**

*Đại học Văn hoá Hà Nội*

Chưa bao giờ như hiện nay, thi pháp lại được bàn đến nhiều như vậy: thi pháp tác ıẩm, tác giả, trào lưu, thể loại, dân tộc, thời đại, thi pháp vi mô, thi pháp vĩ mô, thi ıáp lịch sử, thi pháp cấu trúc, thi pháp xã hội học v.v... Nghĩa là người ta đang chứng ến một sự "phục hưng", một sự "hồi sinh" hay "sống lại" của thi pháp ở Việt Nam. Điều ı có thể quá muộn chăng? Song, theo tôi, dù sao nó cũng đang góp một tiếng nói quan ọng vào việc đa sắc hóa và đổi mới nền lý luận, nghiên cứu, phê bình văn học hiện nay.

Thuật ngữ "Thi pháp" (La poétique) xuất hiện từ thời Homère, song nghĩa ngày .ng phong phú và lệch xa với ban đầu. Vào thế kỷ IV trước công nguyên, Aristote 384-322) công bố tác phẩm đầu tiên về thi pháp, "Thi pháp thơ" đề cập đến chức năng ın học, các cấu trúc bên trong của các loại hình nghệ thuật và phân loại văn học, bàn : các khái niệm "nội dung", "cốt truyện" cùng hàng loạt các biện pháp tu từ khác. Thế · XVII, tức hơn hai nghìn năm sau, Boileau, nhà văn Pháp viết "Nghệ thuật thơ", hiện .i hóa thi Pháp Aristote, trình bày các nguyên tắc chung, nghề thơ, cảm hứng, kỹ thuật ết, đạo đức nhà thơ và thi pháp các loại thơ lớn nhỏ. Trong thế kỷ XVIII, XIX các nhà luận Đức: Lessing (1729 - 1781) Vinkenman (1717-1768), Herder (1744 - 1803), Kant 724 -1804), Hegel (1770-1831) và Pháp: Diderot (1713-1784) tiếp tục bàn về thi pháp ng cũng chưa đưa ra được những ý kiến mới mẻ, tân kỳ nào. Góp thêm tiếng nói về i pháp, các nhà Trung Quốc học cũng xuất bản nhiều tác phẩm: lưu Hiệp (chưa rõ năm ıh, năm mất) với "Văn tâm điếu long", Chung Vinh (thế kỷ IV): "Thi phẩm", bạch Cư (772-846). "Thư gửi Nguyên Chẩn" và Viên Mai (1716-1797): "Tùy viên thi thoại"....

Todorov, nhà thi học Pháp gốc Bugari, trong cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư ıáp" [1] chia thi pháp thành hai giai đoạn phát triển. Ông cho rằng 1945 là mốc phân ia giữa hai thời kỳ. Thời kỳ sau ông lại chia thành hai và lấy năm 1960 làm mốc phân nh. Nhưng phần lớn các nhà thi pháp của Pháp đều khẳng định, thi pháp chỉ "Phục ng" và mang chất lượng mới từ năm 1960 với sự xuất hiện của phong trào "Phê bình ới", còn trước đó chỉ trình bày cách viết một bài thơ, một cuốn thiểu thuyết hay một kịch như thế nào. Từ điển Larousse định nghĩa: "Thi pháp đề cập đến nghệ thuật thơ thi ca" (Librairie larousse, T3, 1966, t.2421) "Petit Larousse" cho "Thi pháp là nghệ uật phác họa những qui tắc của thi ca" (Librairie larousse, 1970, trang 800). Wayne C.

Boothe , giáo sư trường đại học Tổng hợp Chieago (Mỹ) trong cuốn "Từ chương học cũ hư cấu" ("The Rhétonic of fiction" - Tổng hợp báo chí Chicago, 1961) nói rằng "Thi phá tương ứng với từ chương học"... Tóm lại, thi pháp trước năm 1960, tôi tạm gọi là thi phá truyền thống, gần với từ chương học (Rhétorique), khoa học dạy người ta nói cho giỏi v viết cho giỏi từ tìm ý (invention), sắp xếp ý (dispossition) đến diễn đạt (élocution)

Thi pháp hiện đại, có thể gọi như vậy, không dạy người ta sáng tác thể loại nà hay thể loại khác, mà nói như Todorov: "Mục đích của thi pháp là miêu tả tiến trình kiế tạo văn bản văn học[2].

Cái nôi của thi pháp học là ở Nga với các "nhà hình thức chủ nghĩa" (Formaniste ) quây quanh "Câu lạc bộ ngôn ngữ học" và "Hội nghiên cứu ngôn từ thơ" như Eikhenbaum (1896-1959), Tynianov (1894-1943), Chklovsski (1893-1984), Bakhtine (1895-1985 Jakobson (1895-1983) sau đó chuyển sang Anh, Đức, Mỹ rồi Pháp. Tuy muộn hơn cá nước Âu - Mỹ, song Pháp nhanh chóng trở thành Thủ đô của thi pháp học, chinh phụ nhiều trường đại học, nhiều viện nghiên cứu, nhiều giáo sư, nhà phê bình và bạn đọc tr trên khắp hành tinh với các nhà lý luận và thực hành đầy tài năng như Roland barthe Georhess Poulet Genette, Georhes Blin, Michel Raimond, Jean cohen, Greimas. Serg Doubrovsky, Philippe Hamon...

Sự "Phục hưng" của thi pháp trước hết biểu hiện ở tính phong phú, đa dạng về địn nghĩa. Todorov trong "Từ điển bách khoa toàn thư Pháp" [3] đồng nghĩa thi pháp vớ "discours lèttéraire", nghĩa là tổng thể các cấu trúc miệng hình thành qua mỗi tác phẩm (trang 517, tập 18) hoặc "đối tượng của thi pháp không phải là văn học mà là mô phỏn (mimésis) với sự giúp đỡ của ngôn ngữ từ (trang 516)". Với cuốn "phê bình văn học th kỷ XX" [4] Jean Tadié tập hợp nhiều định nghĩa về thi pháp: "Thi pháp muốn tạo ra những phạm trù cho phép nắm bắt đồng thời tính đơn nhất cũng như tính chung của tất cả cá tác phẩm văn học" Todorov, tr.231); "Thi pháp là lý luận chung về ký hiệu". (Riffaterr tr.265); "Thi pháp là architexte (siêu văn bản) nghĩa là đặt nó trong mối quan hệ với cá văn bản khác" (Genette, trang 244); "Thi pháp hay là xuyên ngôn ngữ, là nghiên cứ những ngôn từ mang nội dung cá biệt trong các văn bản và trong môi trường lịch sử, x hội, văn hóa của nó bằng cách giữ một khoảng cách giữa "tư tưởng hẹp hỏi" và "chủ nghĩ hình thức hẹp hòi" (Bakhtine, tr.274); "Thi pháp là khoa học dự định phân tích các hìn thức thơ của ngôn từ" (Cohen tr.264). Còn chính tác giả cuốn sách, Jean Tadié trong phầ thi pháp thơ thì định nghĩa "thi pháp là phương pháp phân tích tác phẩm" (tr.260). Rolan Barthes trong "Cấp độ không của việc viết" "coi thi pháp như là phạm vi nhưng chấn độn không xác định của nghĩa và đối tượng của văn học được đặt vào tâm điểm của nc (Edition du seuil, Paris , 1972); Jakobson: "Có thể coi thi pháp là một bộ phận hợp thàn của ngôn ngữ học" ("Những tiểu luận về ngôn ngữ học đại cương", Minuit, Paris , 196 trang 12-13). Khi bàn về "Lời nói nghệ thuật" (discours) v.v.. Kôginôp đã có các hiểu v thi pháp như sau: "... Lời nói của nhà văn trong quan hệ với ngôn gnữ - đó là đối tượn và vấn đề của phong cách học. Một vấn đề hoàn toàn khác đặt ra với thi pháp học. Nhiệ vụ của người nghiên cứu văn học ơ đây là nghiên cứu vật liệu ngôn từ trong quan hệ vớ tổng thể tác phẩm nghệ thuật. Đối với thi pháp học, lời nói của cá nhân nhà văn biể hiện không phải với tư cách một hình thức đặc thù của ngôn ngữ mà với tư cách hìn

hức đặc thù nghệ thuật.

Nói cho đúng hơn, chất liệu ngôn từ trong tác phẩm văn học là một thực thể đặc ù, là một hình thức nghệ thuật chứ không đơn giản là lời nói hàng ngày của con người"[5]. iện sĩ V. Vinôgradốp có ý kiến về thi pháp: "Khoa học về những hình thức, những thể ức, những biện pháp và những phương thức của sáng tác ngôn từ - nghệ thuật, về ững loại hình cấu trúc và những thể loại của những tác phẩm văn chương... Nhiệm vụ ủ yếu của thi pháp học là nghiên cứu những qui luật và những quy tắc sinh thành và ạo lập những kiểu khác nhau của những cấu trúc ngôn từ nghệ thuật trong những thời ại khác nhau gắn liền với sự tiến triển của những thể loại văn học và phong cách của húng"[6], V.B. Girmuxki định nghĩa thi pháp "Khoa học nghiên cứu văn học như một ghệ thuật"[7], M.B. Kiraptrencô: "Có thể xác định thi pháp học như một bộ môn khoa ọc nghiên cứu các phương thức và phương tiện thể hiện cuộc sống bằng nghệ thuật, hám phá cuộc sống bằng hình tượng"[8].

Ở Việt Nam, định nghĩa về thi pháp cũng khá phong phú và đa dạng. Đỗ Đức Hiểu ong cuốn: "Đổi mới phê bình văn học" định nghĩa "Thi pháp là phương pháp tiếp cận, ức là nghiên cứu, phê bình - tác phẩm văn học từ các hình thức biểu hiện bằng ngôn từ ghệ thuật, để tìm ra các ý nghĩa chìm ẩn của tác phẩm" (Nhà xuất bản khoa học xã hội, à Mau, Hà Nội, 1993). Trần Đình Sử: "Thi pháp là cấp nghiên cứu hình thức nghệ thuật ong tính chỉnh thể" ("Thi pháp học và mấy vấn đề thi pháp Thơ Tố Hữu" - Nxb Tác ẩm mới, 1987). Nguyễn Xuân Kính "Thi pháp là tổ hợp những đặc tính thuần mỹ - ghệ thuật và mối quan hệ giữa chúng" ("Thi pháp ca dao" Nxb KHXH, 1992). Nguyễn ân Nam: ("Thi pháp gắn liền với phương diện hình thức nghệ thuật" ("Lý luận văn học", hà xuất bản Giáo dục, 1993). "Từ điển thuật ngữ văn học" định nghĩa: "Thi pháp văn ọc, khoa học về cấu trúc tác phẩm và phức hợp tác phẩm" (Nxb Giáo dục - 1993). Hoàng ình trong bài "Thi pháp học và thế giới vi mô của văn học": "Thi pháp là môm học ghiên cứu thi pháp của các nhà sáng tác để khám phá ra sự sáng tạo của văn học nói ung trong việc phản ánh sáng tạo" (Tạp chí văn học số 5-1991)...

Tuy phong phú, đa dạng song ta có thể thấy mấy khuynh hướng cơ bản: hoặc đồng ất thi pháp với lý luận văn học (kébédi Varga, Trần Đình Sử), hoặc với cấu trúc và ký ệu (Bakhtine, Jakobson, Roland Barthes, Todorov, Genette, Cohen, Greimas , Hamon, ffaterre, Đỗ Đức Hiểu... hay thi pháp vớ phương pháp phân tích tác phẩm (Jean Tadié)

Tóm lại , bản chất của thi pháp về một phương diện nào đó là nghiên cứu ký hiệu . cấu trúc. Chính vì vậy Jakobson cho thi pháp nghiên cứu ngôn ngữ học và cấu trúc ận. Ngôn từ văn chương không xác thực, trong sáng, dễ hiểu mà luôn mờ đục, mang ıh nước đôi và vô cùng khó hiểu. Nó mang đậm sắc thái biểu cảm, hàm nghĩa và tính ủ quan của người sử dụng. Không có ngôn từ văn chương trung tính, không màu, không không hương thơm. Ngôn ngữ trung tính là ngôn ngữ cấp không, ngôn ngữ hàng ngày, ỉ mang nghĩa thông báo. Ngôn từ văn chương luôn thông báo thừa, thừa phần tình cảm chính độ dư đó tạo nên tính văn chương của tác phẩm. Mỗi ký hiệu gồm các biểu đạt, c nhìn thấy nghe thấy và cái được biểu đạt tức ý nghĩa. Chúng được ví như hai mặt a một tờ giấy. Mối cái biểu đạt có nhiều cái được biểu đạt. Mối ký hiệu gồm hình ảnh, ợng trưng và huyền thoại. Trần Đình Sử có lý khi nói rằng: "Nhiều nhà lý luận hôm

nay nhất trí rằng, không biết ký hiệu học giống như người mù trong lĩnh vực nghiên cứ văn học" (9).

Trong thi pháp, thi pháp thơ và thi pháp tiểu thuyết là quan trọng nhất. Phân tíc văn bản thơ dưới góc độ thi pháp nghĩa là miêu tả văn bản thơ từ ngôn từ, âm thanl nhịp điệu, điệp khúc, thể thơ, mở đầu, kết thúc, dấu phẩy, chấm than, hiện tượng, ẩn d và các khoảng trắng nơi ứa tràn chất thơ để khám phá những tầng nghĩa triết mỹ, đạ đức, xã hội, lịch sử. Còn với một văn bản văn xuôi thì phải tập trung vào ngôn ngữ (nhâ vật, tác giả, người kể chuyện), phong cách, giọng điệu, thời gian, không gian, nhân vậ bình luận, ngoài đề, độc thoại, đối thoại và các biện pháp nghệ thuật hay tu từ khác . nghĩa là phải xuất phát từ hình thức, nghiên cứu hình thức nghệ thuật để tìm ra tính đ nghĩa của văn bản văn học.

Gần đây, ở Việt Nan, thi pháp học còn bị chế giễu là "duy mỹ", "hình thức chủ nghĩa nay nhiều tiếng nói tìm hiểu nó và đã có được những công trình đặt nền móng. Chỉ chu tròn một thập niên, từ khi ra đời cuốn "Phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều" củ Phan Ngọc năm 1986, cuốn sách đầu tiên tiếp cận tác phẩm văn học dưới góc độ tl pháp, đến này đã có một loạt các bài viết đăng tải trên các báo, tạp chí, các công trìn giới thiệu lý thuyết hay vận dụng phân tích thơ, truyện bằng thi pháp đã xuất hiện v đang dần dần chinh phục bạn đọc gần xa: Đỗ Đức Hiểu với cuốn: "Đổi mới phê bình vă học". Đặng Thị Hạnh: "Tiểu thuyết Huygo", Trần Đình Sử: "Thi pháp học và mấy vấn đ thi pháp thơ Tố Hữu", Nguyễn Hải Hà: "Thi pháp Léptônxtôi", Đỗ Lại Thúy: "Con mắ thơ", Hoàng Trinh "Từ ký hiệu học đến thi pháp học", Nguyễn Xuân Kinh "Thi pháp c dao", Nguyễn Lại: "Ngôn ngữ và sáng tạo văn học", nhiều bài viết của Nguyễn Kim Dín Đặng Anh Đào, Lê Hồng Sâm, Phùng văn Tửu, Vương Trí Nhàn và các chuyên đề đan được giảng tại các trường đại học Tổng hợp và sư phạm... Như vậy, thi pháp càng tỏ r là một trong những hướng tiếp cận có khả năng mang nhiều hiệu quả trong nghiên cứ phê bình, giảng dạy văn học, Nó góp một tiếng nói vào việc đổi mới lý luận, nghiên cứ phê bình văn học hôm nay, đổi mới cách viết lịch sử văn học, cách giảng văn học tron các trường đại học và trung học.

Hiện nay, còn biết bao vấn đề chờ đợi những công trình về thi pháp thi pháp th Truyện cổ Việt Nam, thi pháp thơ mới, thi pháp truyện Việt Nam trước 1945 thi phá thơ kháng chiến v.v.. tôi nghĩ, thế hệ mới những người giảng dạy, nghiên cứu phê bìn văn học phải dần dần khai thác những vấn đề trên./.

## CHÚ THÍCH


(1) Encyclopoédia Universalis, Encyclopaédia Universalis. France, 990.

(2) Jean Tadié, "La critique litteraire au XX$^{e}$ siele" Pierre belfond Paris, 1987 t 242 tiếng Pháp.

(3) Encyclopoedia Universalis, Encyclpaédia Universalis France, 1990.

(4) Jean Tadié, "La. Critique littéraine au XX$^{e}$ siècle"...

(5) "Lời nói nghệ thuật với tư cách là hình thức của nghệ thuật ngôn từ" Koginôp Lý luận văn học, NXB Viện hàn lâm khoa học Liên Xô, M.1965, 3 tập, tập 2.

(6) V. V. Vinogranôp: Phong cách khoa học - lý luận về lời nói nghệ thuật. Thi pháp học. NXB Viện hàn lâm khoa học Liên Xô M. 1963. tr.216

(7) Trích theo: "Những vấn đề thi pháp Dôxtoiepxki", NXB Giáo dục, 1993.

(8) M. B. Kháptrenco: Sáng tạo nghệ thuật, hiện thực, con người, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, T2, tr 242.

(9) Trần Đình Sử, "Đổi mới lý luận tức là hiện đại hóa lý luận", Văn nghệ, số 2 ngày 8/1/1994.

## SOME CONCEPTIONS OF POETICS

**Le ngoc Tan**

*Hanoi Cultural College*

During the 60$^{e}$ of twentieth century, the Europeans and Americans witnessed the 'Renaissance" of the poetry with the "New Criticism" as a peak. The poetry ushered the new prospect for the study, commentation and teaching of literature A lot of talents appeared. The new methods of contact change the "face" of study, commentation and teaching of literature in the world.

Until recently, poetry in Vietnam was still criticised as "Arts for Art's Sake" 'Formalism". However, a number of initial studies have laid the foundation for poetry. The further studies are still needed for the Vietnamese readers. With the appreciation of the related documemt at home and abroad on the definition of poetry, the article introduced to the readers the rich and diversified understanding of poetry up to now.